

Số: ~~1776~~ /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế nông nghiệp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *(Chữ ký)*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Trung tâm tin học (để đưa tin);
- Vụ Pháp chế;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, KTNN.





THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành theo Quyết định số 1716 /QĐ-BKHĐT ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính bổ sung mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bổ sung mới thủ tục hành chính ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A- Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư)					
1		Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014	Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	UBND cấp tỉnh
2		Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014	Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	UBND cấp tỉnh
3		Nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014	Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	UBND cấp tỉnh
Chú thích:					
⁽¹⁾ Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) của thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ.					
⁽²⁾ Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản quy phạm pháp luật quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính.					

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
4	172676	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014	Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	UBND cấp tỉnh
5	172683	Cấp đổi Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ	Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014	Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	UBND cấp tỉnh
<p>Chú thích:</p> <p>⁽¹⁾ Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính) của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p> <p>⁽²⁾ Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</p>					

Số hồ sơ TTHC tra cứu tại địa chỉ:

http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tim_kiem_tthc

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 và Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bước 2: Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và nhận đủ số bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT, gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở ngành liên quan đến từng khoản hỗ trợ cụ thể mà doanh nghiệp đề nghị).

Bước 3: Các sở ngành được tham vấn có ý kiến tham gia trong thời gian tối đa 05 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ và công văn xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Trường hợp dự án đã thực hiện trước ngày Nghị định số 210/2013/NĐ-CP có hiệu lực, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra thực tế các nội dung ưu đãi và hỗ trợ của doanh nghiệp trước khi trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT.

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến tham gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Trường hợp sử dụng ngân sách Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra hỗ trợ đối với dự án. Sau khi nhận được văn bản thẩm tra nguồn vốn hỗ trợ dự án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nếu từ chối toàn bộ hoặc một phần nội dung ưu đãi mà doanh nghiệp đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi nhà đầu tư nêu lý do.

Bước 5. UBND tỉnh ban hành UBND tỉnh cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Bản đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông

ng nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có), giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Trường hợp dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp kèm theo Giải trình kinh tế - kỹ thuật về: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường;

+ Báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (đối với trường hợp dự án đầu tư đã triển khai).

- **Số lượng hồ sơ:** 08 bộ (trong đó có 01 bộ gốc)

- **Thời hạn giải quyết:** Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, và thời gian giải quyết tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến các cơ quan liên quan; Trường hợp phải xin ý kiến thẩm tra nguồn vốn từ ngân sách trung ương, thời hạn giải quyết tối đa không quá 30 ngày làm việc.

- **Cơ quan thực hiện:** UBND cấp tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan của các tỉnh/thành phố.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** là tổ chức (Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):**

+ Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;

+ Quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Doanh nghiệp và nhà thầu (nếu có) tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

Bước 2: Sau khi hoàn thành tự nghiệm thu, trường hợp doanh nghiệp cần giải ngân khoản hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, doanh nghiệp có văn bản đề nghị cơ quan chủ trì nghiệm thu quy định tại khoản 13 Điều 3 Thông tư số 05/2014/T-BKHĐT xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu.

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan chủ trì nghiệm thu kiểm tra và lập biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án.

Cơ quan chủ trì nghiệm thu: Quy định tại khoản 13 Điều 3 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014.

Trường hợp hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, cơ quan chủ trì nghiệm thu mời thêm tư vấn chuyên ngành xác nhận khối lượng hoàn thành.

- **Cách thức thực hiện:** nộp hồ sơ trực tiếp cơ quan chủ trì nghiệm thu

- **Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị nghiệm thu hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án được hỗ trợ: Do doanh nghiệp lập căn cứ nội dung cụ thể của hạng mục đầu tư, gói thầu đề nghị nghiệm thu.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Cơ quan chủ trì nghiệm thu tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, và thời gian giải quyết tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện:** Cơ quan chủ trì nghiệm thu và các Sở, ngành liên quan của các tỉnh/thành phố.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Là tổ chức (Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án (do cơ quan chủ trì nghiệm thu lập và thống nhất mẫu sử dụng)

- **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thủ tục nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ

- **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ nghiệm thu dự án hoàn thành quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 05/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ quan chủ trì nghiệm thu có trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án và đại diện doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành.

Nội dung nghiệm thu Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu; xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư này.

Bước 3. Cơ quan chủ trì nghiệm thu lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu; mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản, doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc nhà nước.

Cơ quan chủ trì nghiệm thu: Quy định tại khoản 13 Điều 3 Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014.

- **Cách thức thực hiện:** nộp hồ sơ trực tiếp cơ quan chủ trì nghiệm thu

- **Thành phần hồ sơ:**

- a) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (bản chính);
- b) Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- c) Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán theo thẩm quyền quy định tại khoản 15 Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT;
- d) Hợp đồng mua bán (trường hợp mua bán hàng hóa);
- đ) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu);

- **Số lượng hồ sơ:** 03 bộ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc)

- **Thời hạn giải quyết:** Cơ quan chủ trì nghiệm thu tiếp nhận, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, và thời gian giải quyết tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện:** Cơ quan chủ trì nghiệm thu và các Sở, ngành liên quan của các tỉnh/thành phố.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Là tổ chức (Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành (do cơ quan chủ trì nghiệm thu lập và thống nhất mẫu sử dụng)

- **Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO

BẢN ĐỀ NGHỊ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP
ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CHÍNH PHỦ)

Kính gửi:.....

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp:..... (Theo Luật Doanh nghiệp..... ;

Ngành nghề kinh doanh:.....

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại:..... Fax..... ;

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh
doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do cấp ngày
..... tháng năm

I. Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

1. Tên Dự án:..... ;

2. Lĩnh vực đầu tư:..... ;

3. Địa điểm thực hiện Dự án:..... ;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:..... ;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:..... ;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:..... ;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:..... ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:..... ;

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn..... (ha), dự kiến thu hoạch trong tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến..... (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo.....tháng/năm.

10. Thời hạn hoạt động của nhà máy/cơ sở (nếu có): số giờ/ngày..... giờ; số ngày/năm.....ngày

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ):

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển: từ..... đến....., tổng số là:.....km.

2. Công suất nhà máy...; dự kiến số ngày hoạt động trong năm....

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư :

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				
...				

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ...tháng.....năm.....

**Chức danh người đại diện Doanh nghiệp
(ký tên - đóng dấu)**

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:

- Ghi chú: Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ có hiệu lực, phần kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án (nếu có).

CÁC MẪU VĂN BẢN KÈM THEO

BẢN ĐỀ NGHỊ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP
ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BẢN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CHÍNH PHỦ)

Kính gửi:.....

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp:..... (Theo Luật Doanh nghiệp..... ;

Ngành nghề kinh doanh:.....

Trụ sở chính:..... ;

Điện thoại:..... Fax..... ;

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh
doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do cấp ngày
..... tháng năm

I. Đăng ký thực hiện dự án với nội dung sau:

1. Tên Dự án:..... ;

2. Lĩnh vực đầu tư:..... ;

3. Địa điểm thực hiện Dự án:..... ;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:..... ;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:..... ;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:..... ;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:..... ;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:..... ;

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn..... (ha), dự kiến thu hoạch trong tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến..... (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo.....tháng/năm.

10. Thời hạn hoạt động của nhà máy/cơ sở (nếu có): số giờ/ngày..... giờ; số ngày/năm.....ngày

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ):

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển: từ..... đến....., tổng số là:.....km.
2. Công suất nhà máy...; dự kiến số ngày hoạt động trong năm....
3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư :

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				
...				

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

... .., ngày ...tháng... ..năm... ..

**Chức danh người đại diện Doanh nghiệp
(ký tên - đóng dấu)**

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:

- Ghi chú: Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ có hiệu lực, phần kiến nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án (nếu có).

**QUYẾT ĐỊNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP,
NÔNG THÔN (THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2013/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CHÍNH PHỦ)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003

*Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính
sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thông tư số...của Bộ Tài Chính; Thông tư
số... của Bộ Nông nghiệp và PTNT...*

*Căn cứ Báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số, ngày..... tháng
..... năm*

Căn cứ...

*Xét đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
của..... (tên doanh nghiệp):*

QUYẾT ĐỊNH

Doanh nghiệp: (tên doanh nghiệp).....

Loại hình doanh nghiệp:.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép kinh
doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số do cấp ngày
..... tháng..... năm.....

Điều 1. Có dự án đầu tư:

- Tên Dự án:

Là Dự án nông nghiệp:.....(đặc biệt ưu đãi đầu tư/ưu đãi đầu tư/khuyến
khích đầu tư)

- Lĩnh vực đầu tư:.....
- Địa điểm thực hiện:.....
- Mục tiêu và quy mô của Dự án:..... công
suất nhà máy (theo dự án).....
- Tổng số vốn đầu tư của Dự án:.....
- Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....
- Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn.... (ha), địa điểm xã huyện..., dự kiến phát triển thêm
... ha; nguyên liệu đảm bảo nhà máy hoạt động ...tháng/năm (áp dụng đối với các dự án chế
biến nông lâm thủy sản).
- Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:.....
- Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....
- Thời hạn hoạt động của Dự án:.....

Điều 2. Các khoản hỗ trợ

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển sản phẩm nếu có 9km)

2 Thời gian sản xuất nhà máy/cơ sở (nếu có) số giờ/ngày.... giờ; số ngày/năm.... ngày;

3. Các khoản hỗ trợ đầu tư: (Chỉ ghi các hỗ trợ Doanh nghiệp được hưởng)

TT	Nội dung	Số tiền hỗ trợ			Thời gian dự kiến hỗ trợ (năm)	Ghi chú
		NSTW	NSDP	Khác		
1						
2						
...						

4. Khoản hỗ trợ đồng này cho doanh nghiệp được Nhà nước bảo lãnh theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Nhà đầu tư (tên doanh nghiệp), các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ) được cấp cho doanh nghiệp 02 bản chính, các cơ quan liên quan mỗi cơ quan giữ 01 bản./.

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận: